

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2022/DS-ST

Ngày 22-9-2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Chiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Hùng Bích

2. Bà Hồ Thị Kim Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hồ Anh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2020/TLST-DS, ngày 16 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Thông báo mở lại phiên tòa số: 539/TB-TA, ngày 02 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 349/2022/QĐST-DS, ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** 1. Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1979

2. Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1983

3. Ông Nguyễn Thành Q, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P và ông Q: Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1979; Địa chỉ: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (theo giấy ủy quyền ngày 29/12/2020)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Công K, sinh năm 1954

Địa chỉ: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; Địa chỉ: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (theo giấy ủy quyền ngày 18/12/2020)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1943

Cùng địa chỉ: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

*(Tại phiên tòa, có mặt ông V tham gia; các đương sự còn lại vắng mặt không lý do)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Quang V, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn Nguyễn Thành P và Nguyễn Thành Q trình bày:*

Mẹ các ông Nguyễn Quang V, Nguyễn Thành P và Nguyễn Thành Q là bà Nguyễn Thị P (chết năm 2018) được ông bà tặng cho quyền sử dụng đất với tổng diện tích 250 m<sup>2</sup>; trong đó 184,3 m<sup>2</sup> bà P đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01794gA, ngày 21/6/2006; thửa đất số 15, tờ bản đồ 44, có đính kèm hồ sơ kỹ thuật khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L lập ngày 13/6/2006. Phần đất còn lại diện tích 65 m<sup>2</sup> (tiếp giáp tỉnh lộ 943) thì đến nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình sử dụng, ông V phát hiện ông Nguyễn Công K có trồng bụi tre, xây dựng nhà vệ sinh và sàn nước lấn chiếm sang phần đất diện tích 184,3 m<sup>2</sup> mà bà P được cấp giấy chứng nhận, ước tính diện tích lấn chiếm khoảng 3,75m<sup>2</sup> nên các ông V, P và Q là hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu ông K phải nhổ bụi tre, di dời nhà vệ sinh và sàn nước để trả lại phần đất đã lấn chiếm có diện tích khoảng 3,75m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, sau khi đo đạc thì xác định diện tích thực tế mà ông K đã lấn chiếm đến 06 m<sup>2</sup> chứ không phải 3,75 m<sup>2</sup> như ước tính ban đầu, theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đất đai - Chi nhánh L lập ngày 02/3/2022, thể hiện tại các điểm 77, 42, 72, 86, 76. Đồng thời, căn cứ vào chứng cứ do bị đơn cung cấp thì tại căn nhà khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang mà ông K đang quản lý, sử dụng thì còn có bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T đăng ký thường trú, nên ngày 06/7/2022 ông V có đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện, cụ thể: yêu cầu tất cả những người đang cư trú tại phần đất tranh chấp gồm ông Nguyễn Công K, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm nhổ bụi tre, di dời một phần nhà vệ sinh và sàn nước để trả lại phần đất lấn chiếm là 06 m<sup>2</sup>, đồng thời yêu cầu đưa ông Nguyễn Văn T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01794gA do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho bà Nguyễn Thị P ngày 21/6/2006; thửa đất số 15, tờ bản đồ 44, có đính kèm hồ sơ kỹ thuật khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L lập ngày 15/6/2006; Tờ cam kết không bỏ sót hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị P ngày 06/11/2020.

Tại phiên tòa, ông V thống nhất với bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh L lập ngày 02/3/2022, thống nhất giá do Hội đồng định giá cung cấp theo biên bản định giá ngày 07/4/2022 và xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, ông V bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông K phải bồi thường thiệt hại do lá tre rụng sang nhà làm hư hỏng thiết, cục nóng máy lạnh,...của nhà ông V, nhưng giá trị yêu cầu ông V không xác định.

*Bị đơn ông Nguyễn Công K do bà Nguyễn Thị H là đại diện theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết trình bày:*

Căn nhà được xây dựng trên phần đất có diện tích 359 m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi các điểm 31, 42, 72, 17, 10, 6 theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh L lập ngày 02/3/2022 mà hiện ông K đang quản lý, sử

dụng có nguồn gốc do ông bà, cha mẹ để lại cho bà H và ông K; thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P thì căn nhà và đất này do bà H trực tiếp quản lý, sử dụng nên khi thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P thì chính bà H là người ký xác nhận tứ cận (theo biên bản xác định ranh giới, mốc giới khu đất ngày 04/4/2004). Sau đó, do bà H đi làm và sinh sống tại thành phố C nên bà đã giao căn nhà gắn liền với phần đất này cho ông Nguyễn Công K quản lý, sử dụng từ đó cho đến nay.

Ông K thống nhất với bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh L lập ngày 02/3/2022, nên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông K đồng ý nhổ bỏ bụi tre, tháo dỡ và di dời một phần nhà vệ sinh với diện tích 0,9 m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm 38, 93, 87, 42 và sân nước với diện tích 0,7 m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm 38, 39, 88, 93 để trả lại cho các ông V, P và Q phần đất diện tích 06 m<sup>2</sup>; được giới hạn bởi các điểm 77, 42, 72, 86 và 76 của bản trích đo này.

Trong vụ án này, ông K không tranh chấp gì về căn nhà và đất trên, trường hợp nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác. Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị P thì ông K không có ý kiến, không yêu cầu giải quyết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết trình bày:*

Bà thống nhất với trình bày của ông K, bà không có ý kiến khác và trong vụ án này bà xác định không tranh chấp hay yêu cầu giải quyết vấn đề gì. Trường hợp có tranh chấp thì sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T mặc dù được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông T đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, ông T tiếp tục vắng mặt không lý do.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 06 m<sup>2</sup>; không chấp nhận đối với yêu cầu ông K phải bồi thường thiệt hại do vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các ông Nguyễn Quang V, Nguyễn Thành P và Nguyễn Thành Q khởi kiện ông Nguyễn Công K về tranh chấp quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất đang tranh chấp tọa lạc tại khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quyền khởi kiện: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, gồm: trích lục khai sinh của các ông Nguyễn Quang V, Nguyễn Thành P, Nguyễn Thành Q; trích lục khai tử của bà Nguyễn Thị P và Văn bản cam kết không bỏ sót hàng thừa kế ngày 06/11/2020 thể hiện các ông V, P và Q thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị P, chết năm 2018 nên các ông có quyền khởi kiện theo quy định.

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Công K có trách nhiệm nhổ bụi tre, di dời nhà vệ sinh và sàn nước để trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích khoảng 3,75 m<sup>2</sup> nằm trong phần đất diện tích 184,3 m<sup>2</sup> mà bà P được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01794gA, ngày 21/6/2006. Tuy nhiên, sau khi có kết quả đo đạc do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh L thực hiện thì nguyên đơn có đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện đề ngày 06/7/2022, yêu cầu các ông, bà Nguyễn Công

K, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H là những người có quyền đối với tài sản tranh chấp và hiện đang cư trú tại tài sản tranh chấp có trách nhiệm nhổ bỏ bụi tre, di dời một phần nhà vệ sinh và sản nước để trả lại phần đất đã lấn chiếm là 06 m<sup>2</sup>; được giới hạn bởi các điểm 77, 42, 72, 86, 76 theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh L lập ngày 02/3/2022. Nhận thấy, việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện là phù hợp với quy định tại mục 7 phần IV Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC, ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của nguyên đơn. Riêng đối với yêu cầu về việc buộc ông K phải bồi thường thiệt hại do lá tre rụng sang nhà làm hư hỏng thiết, cục nóng máy lạnh,...được nguyên đơn đưa ra sau khi Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 26/7/2022 nên việc nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với yêu cầu bổ sung này của nguyên đơn, nguyên đơn có quyền khởi kiện trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thành P và Nguyễn Thành Q ủy quyền cho ông Nguyễn Quang V theo giấy ủy quyền ngày 29/12/2020; bị đơn ông Nguyễn Công K ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H theo giấy ủy quyền ngày 18/12/2020 là phù hợp với quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ông Nguyễn Quang V tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn khác, chấp nhận bà Nguyễn Thị H tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Ông V và bà H được thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng theo nội dung văn bản ủy quyền.

Ngày 08/6/2021, Tòa án nhân dân thành phố L chấp nhận việc luật sư Lại Văn G - Công ty Luật TNHH MTV T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Đến ngày 25/5/2022, Công ty Luật TNHH MTV T thông báo về việc chấm dứt bảo vệ cho ông V, tại phiên tòa ông V cũng thống nhất việc chấm dứt người bảo vệ như thông báo của Công ty Luật TNHH MTV T và xác định nguyên đơn không yêu cầu ai khác tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, việc chấm dứt bảo vệ là tự nguyện và là quyền tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt; nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Các ông Nguyễn Quang V, Nguyễn Thành P và Nguyễn Thành Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Công K, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải nhổ bỏ bụi tre, tháo dỡ và di dời một phần nhà vệ sinh và sàn nước để trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 06 m<sup>2</sup>, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01794gA do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 21/6/2006 cho bà Nguyễn Thị P.

Xét thấy, bà P được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01794gA, ngày 21/6/2006 với diện tích 184,3 m<sup>2</sup>, thửa đất số 15, tờ bản đồ 44, đính kèm hồ sơ kỹ thuật khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L lập ngày 15/6/2006; đất tọa lạc tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Quá trình giải quyết, bà H là người đại diện hợp pháp của ông K trình bày nguồn gốc căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tọa lạc tại khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang là do ông bà, cha mẹ để lại cho anh em bà cùng quản lý, sử dụng và tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 184,3 m<sup>2</sup> cho bà P thì bà H biết và bà H chính là người ký tứ cận xác định ranh đất nên không có ý kiến đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P; vấn đề bà H trình bày là phù hợp với hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P đã được Tòa án thu thập, vì vậy nguyên đơn có đầy đủ quyền đối với phần đất diện tích 184,3 m<sup>2</sup> mà bà P được cấp giấy. Đồng thời, căn cứ vào bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh L lập ngày 02/3/2022 thể hiện bụi tre, một phần nhà vệ sinh và sàn nước mà bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang quản lý nằm trong phần đất bà P đã được cấp giấy chứng nhận, diện tích lấn chiếm là 06 m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi các điểm 77, 42, 72, 86, 76. Hơn nữa, quá trình giải quyết bà H là đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông K; đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cũng thống nhất với bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh L lập ngày 02/3/2022 nên cũng đồng ý nhổ bỏ bụi tre, tháo dỡ

và di dời một phần nhà vệ sinh với diện tích 0,9 m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm 38, 93, 87, 42; sân nước với diện tích 0,7 m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm 38, 39, 88, 93 để trả lại cho ông V, ông P và ông Q phần đất diện tích 06 m<sup>2</sup>; được giới hạn bởi các điểm 77, 42, 72, 86 và 76 như bản trích đo đã thể hiện. Đối với ông Nguyễn Văn T, mặc dù được tổng đạt, niêm yết các văn bản tổ tụng hợp lệ nhưng ông T đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như chứng cứ do Tòa án thu thập. Ông T cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy ông đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ những phân tích trên, thấy rằng có căn cứ xác định bụi tre, một phần nhà vệ sinh và sân nước đã lấn chiếm sang phần đất mà bà P được cấp giấy chứng nhận là 06 m<sup>2</sup>; căn cứ vào lời trình bày của bà H, căn cứ vào sổ hộ khẩu số 010400276 do bà Nguyễn Thị H là chủ hộ, phiếu xác minh ngày 29/6/2022 do Công an phường M cung cấp, xác định ông K, bà H và ông Trường là những người có quyền quản lý, sử dụng đối với bụi tre, nhà vệ sinh và sân nước nên cần buộc những người này cùng có trách nhiệm nhổ bỏ bụi tre, di dời một phần nhà vệ sinh và sân nước để trả lại phần đất đã lấn chiếm là 06 m<sup>2</sup> như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong vụ án này, bà H và ông K đều xác định không tranh chấp vấn đề gì liên quan đến căn nhà và đất do ông bà, cha mẹ để lại; ông T cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với tài sản này, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đương sự có tranh chấp, khởi kiện vụ kiện khác theo quy định.

[3] Về chi phí tố tụng: Buộc các ông, bà Nguyễn Công K, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Quang V, Nguyễn Thành P và Nguyễn Thành Q chi phí đo đạc và xem xét thẩm định là 3.976.000 đồng (Ba triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

[4] Về án phí: Các ông Nguyễn Quang V, Nguyễn Thành P và Nguyễn Thành Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các ông, bà Nguyễn Công K, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*



## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 166; Điều 170 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông Nguyễn Quang V, Nguyễn Thành P và Nguyễn Thành Q.

Buộc các ông, bà Nguyễn Công K, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H phải nhổ bỏ bụi tre; tháo dỡ và di dời một phần nhà vệ sinh với diện tích 0,9 m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi các điểm 38, 93, 87, 42; sân nước với diện tích 0,7 m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi các điểm 38, 39, 88, 93 để trả lại cho các ông Nguyễn Quang V, Nguyễn Thành P và Nguyễn Thành Q phần đất có diện tích 06 m<sup>2</sup>, được giới hạn bởi các điểm 77, 42, 72, 86 và 76 theo bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh L lập ngày 02/3/2022, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01794gA do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 21/6/2006 cho bà Nguyễn Thị P.

(Bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh L lập ngày 02/3/2022 là một phần không tách rời của bản án).

- Về chi phí tố tụng: Buộc các ông, bà Nguyễn Công K, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Quang V, Nguyễn Thành P và Nguyễn Thành Q chi phí đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ là 3.976.000 đồng (Ba triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

- Về án phí: Ông Nguyễn Công K, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Quang V, ông Nguyễn Thành P và ông Nguyễn Thành Q không phải chịu án phí nên được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007775, ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**Hà Thị Chiền**